

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-PT

Ngày 14 tháng 7 năm 2020

“V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Ái

Bà Lê Thị Thu Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”, do bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXX-DSPT ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy V - Sinh năm 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: SN 140 phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Văn C – Luật sư, do Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ cử tham gia bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn. Có mặt.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Minh H Sinh năm 1969.

Bà Nguyễn Thị L Sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Phố V, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Bà H, bà L đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T – Trưởng phòng Tài nguyên- Môi trường (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

-Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân U – Phó chủ tịch UBND thị trấn T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

-Bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

-Anh: Nguyễn Quốc V, sinh năm 1985.

-Anh: Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

-Anh: Nguyễn Thành N, sinh năm 1991.

-Anh Nguyễn Tùng D, sinh năm 1999.

(Là vợ và con của ông V, có đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Huy V).

Đều trú tại: SN 140, phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

-Ông Lã Minh H, sinh năm 1960.

-Lã Thái N, sinh năm 1992.

-Lã Đức K, sinh năm 2000.

(Là chồng và con của bà Nguyễn Thị L, có đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị L).

Đều trú tại: Phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/08/2017, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn, ông Nguyễn Huy V trình bày:

Năm 1996 ông V có mua nhà đất và các tài sản trên đất của ông Phùng Tiến H tại phố V, thị trấn T với diện tích 207m², khi mua hai bên có làm đầy đủ thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay. Năm 2005 ông mới làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên ông và sau đó ông đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông. Khi ông mua diện tích đất của ông H có chiều dài mặt Đường 32A là 4,8m, chiều sâu là 40m, chiều rộng cạnh phía sau là 6m. Hướng Đông Bắc giáp nhà bà H. Năm 2016 bà H có đập bỏ tường nhà cũ xây nhà mới, phần giáp ranh nhà ông với nhà bà H chưa xây dựng mà chỉ xây tường bao sát vào nhà ông, lấn vào rãnh thoát nước trước đây có chiều rộng là 20cm, khoảng giữa đất xây tường lấn vào khoảng 25cm, phía sau giáp khu vệ sinh lấn vào 80cm. Nay ông yêu cầu bà H phải tháo dỡ tường bao xây lấn và trả lại đất cho gia đình nhà ông.

Đối với yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị L: Bà L xây nhà 3 tầng, nhà ông xây nhà 2 tầng, gian ngoài trên tầng 3 phía giáp mặt đường nhà bà L có xây nghiêng sang nhà ông khoảng 08cm trên không. Tại khu bếp nhà ông bị bà L xây

đề lên móng bếp khoảng 08cm chiều rộng, chạy dọc theo nhà bếp khoảng 2m. Bà L còn xây cổng và làm sân sau lấn vào khu đất lẻ của nhà ông nhìn ra chợ V có diện tích là 23,8m². Phần đất này ông H chuyển nhượng cho ông nhưng khi làm thủ tục chuyển nhượng thì UBND huyện T không đưa diện tích đất này vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nhà ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Huy V tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Vũ Thị Minh H phải trả cho ông V diện tích đất lấn chiếm có chiều mặt đường = 20cm, đoạn giữa đất rộng 25cm, đoạn cuối đất giáp khu nhà vệ sinh rộng 80cm.

Đối với yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị L, ông V tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện phần bà L xây phòng ngoài tầng 3 nghiêng sang khoảng không nhà ông là 08cm và rút yêu cầu khởi kiện phần bà L xây nhà lấn đề lên móng nhà bếp nhà ông khoảng 08cm chiều rộng, chiều dài 2m.

Đối với khu đất lẻ phía sau nhà bà L lấn vào toàn bộ 23,8 m² ông yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền là 5.000.000đ/1m² nếu không thì buộc bà L phải trả lại đất cho ông.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/01/2020, bị đơn bà Vũ Thị Minh H trình bày:

Đất của gia đình bà do ông cha để lại gia đình bà sử dụng liên tục gần 100 năm nay. Trước khi ông H chuyển nhượng đất cho ông V nhà bà đã xây nhà ở từ năm 1991 hiện nay vẫn còn móng và nền để lại. Sau đó khoảng 2 đến 3 năm ông H xây nhà, phía giáp đất nhà bà ông H đã xây nhà hết đất giáp từ móng nhà bà. Hiện nay móng cũ và nền nhà cũ vẫn còn. Khi ông H còn ở trên đất hai gia đình không xây tường ngăn, nhà ông H có xây lối đi từ nhà trên xuống nhà bếp ở giữa là khoảng sân. Đến khi ông H chuyển đi và bán nhà thì nhà bà có xây một bức tường bằng gạch ba vanh để ngăn giữa nhà bà và khoảng sân nhà ông H. Từ đó đến nay không xảy ra tranh chấp gì. Năm 2013 do bức tường cũ nát bà có đập đi xây lại bức tường bằng gạch chỉ cho chắc chắn. Bà không lấn chiếm đất của ai. Nay ông V cho rằng bà xây lấn vào rãnh nước trước đây có chiều rộng là 20cm, khoảng giữa đất lấn khoảng 25cm, phía sau lấn vào 80cm bà không đồng ý. Vì đất nhà bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và thực tế sử dụng liên tục từ nhiều năm nay không xảy ra tranh chấp với ai. Nên bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông V. Đối với phần đất 3,4m² nằm ở giáp khu nhà vệ sinh nhà ông V mà Tòa án cùng phòng tài nguyên môi trường đã đo và xác định ông V chưa sử dụng hết đất bà công nhận thuộc đất ông V, bà không sử dụng, không tranh chấp, ông V sử dụng bà không ngăn cản, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/01/2020, bị đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu của ông V với lý do: Thứ nhất, phần trên tầng 3 nhà bà xây đúng theo ranh giới giữa hai nhà, không thể xây nghiêng được. Thứ hai, phần giáp ranh nhà bếp ông V, nhà bà xây thẳng, không đề lên móng nhà ông V, phần này do nhà bếp nhà ông V trước đây do chủ cũ xây chéo đất nên có sự chênh lệch về khoảng trống giữa hai đầu nhà bếp. Thứ ba, phần yêu cầu trả lại 23.8m² đất lẽ hiện nay bà đang trồng rau, thực tế diện tích đất này không thuộc quyền sử dụng của bà mà là rãnh thoát nước của xóm trước đây và một phần là bãi đổ rác của chợ Vàng, không thuộc quyền sử dụng của ông V mà thuộc quyền quản lý của nhà nước nên ông V không có quyền yêu cầu bà trả lại diện tích đất này. Bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ủy ban nhân dân thị trấn T:

Tại văn bản số 03/BC-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn T và lời trình bày của người đại diện thể hiện:

Theo số liệu địa chính và bản đồ địa chính của UBND thị trấn T đang quản lý, sử dụng thì diện tích đất 23,8m² nằm phía sau đất bà L thuộc thửa đất 254-8 tờ bản đồ số 29 thuộc phố V hiện ông V đang tranh chấp với bà L là đất chưa sử dụng (đất hoang). Hiện nay quỹ đất này vẫn thuộc UBND thị trấn quản lý và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ hộ gia đình nào trên địa bàn thị trấn T.

Theo bản đồ địa chính của UBND thị trấn T đang quản lý thì ranh giới đất giữa hộ ông V tại thửa đất 254-7; tờ bản đồ số 29 thuộc phố V, thị trấn T và bà H tại thửa đất 254-6; tờ bản đồ số: 29 thuộc phố V thị trấn T là đường gấp khúc giống như sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vũ Thị Minh H được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/5/2016.

- Ủy ban nhân dân huyện T:

Tại văn bản số 1283/UBND-TNMT ngày 11/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T và lời trình bày của người đại diện thể hiện:

- Đối với ranh giới đất tiếp giáp giữa ông Nguyễn Huy V (thửa đất số 254-7, tờ bản đồ số 29, diện tích 170m² được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3901, ngày 28/01/2002) và bà Vũ Thị Minh H (thửa đất số 254-6, tờ bản đồ số 29, diện tích 249,4m² được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 08865, ngày 05/05/2016) tại phố V, thị trấn T là đường gấp khúc như sơ đồ thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Vũ Thị Minh H.

- Đối với diện tích 23,8 m² đất trong khuôn viên của bà Nguyễn Thị L tại phố V, thị trấn T là đất chưa sử dụng (đất hoang) do UBND thị trấn T quản lý và

chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ hộ gia đình nào trên địa bàn thị trấn T. Kèm theo văn bản trên UBND huyện T cung cấp cho Tòa án 03 bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Huy V, hộ bà Nguyễn Thị L và bà Vũ Thị Minh H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 164; 166 Bộ luật Dân sự; các Điều 166; 170; 203 Luật Đất đai;

Căn cứ điểm đ điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy V về việc yêu cầu bà Vũ Thị Minh H phải trả lại cho ông V diện tích đất có chiều rộng là 20cm, khoảng giữa đất rộng 25cm, phía sau cùng là 80cm giáp đất nhà ông và nhà bà H chạy từ trước ra sau.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy V đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị L tháo dỡ bức tường ở phòng khách trên tầng 3 nhà bà L làm nghiêng sang nhà ông V trên không là 08cm và yêu cầu bà L tháo dỡ bức tường nhà xây đè lên móng nhà bếp nhà ông V rộng 08cm, dài 02m.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy V yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông V 23,8m² đất nằm phía sau đất bà L thuộc thửa đất 254-8 tờ bản đồ số 29 phố V.(Có trích lục sơ đồ thửa đất kèm theo).

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/3/2020 ông Nguyễn Huy V kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị L phải trả lại 23,8m² đất thuộc khu đất lẻ mà bà L đang sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông V giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V trình bày: phần đất này có giấy viết tay ngày 1/11/1996. Đây là phần đất lẻ ngoài 170m², khi ông H, bà N bán cho ông V thì số đo của ông H là 207m². Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông V.

Ông V bổ sung trình bày, đất có trong sổ đỏ của ông H, bà N bán cho ông, cộng lại vừa đúng bằng 207m², đất có bờ rào đầy đủ nhưng bà L phá ra để sử dụng. Nguồn gốc đất là của ông H Nhà nước đã thu hồi ai chiếm được thì được. Năm 1997 UBND thị trấn đã mời các ông (ông H và ông) ra làm việc sau khi mua bán, nhưng do vì phần đất lẻ như trên nên ông H, bà N đã phải bớt cho ông 10 (mười) triệu tiền chuyển nhượng từ 160 triệu đồng xuống còn 150 triệu đồng. Năm 2004, ông mới làm hợp đồng chuyển nhượng, UBND thị trấn T có cho biết diện tích đất lẻ này không đủ diện tích cấp bìa riêng và cũng không thể cấp vào

với 170m² được do không liền thửa.

(Chi tiết lời trình bày tranh luận của ông C, ông V tại biên bản phiên tòa).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm (Chi tiết tại bài phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo trong hạn được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông V kháng cáo cho rằng diện tích 23,8m² hộ bà Nguyễn Thị L đang sử dụng là đất của ông đã nhận chuyển nhượng từ ông Phùng Tiến H với tổng diện tích là 207m² gồm có 170m² (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng) và khu đất lẻ 2m x 10m theo Giấy nhượng bán nhà đất hoa màu ngày 1.11.1996. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà L trả cho ông bằng tiền trị giá 5.000.000đ/m² hoặc trả lại cho ông diện tích 23,8m² đất lẻ mà bà L đang sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy nhượng bán nhà đất hoa màu ngày 1.11.1996 thì ông Phùng Tiến H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy V 207m² đất, có bao gồm khu đất lẻ rộng 2m dài 10m có vẽ sơ đồ minh họa kèm theo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông V xuất trình giấy gốc chuyển nhượng này, Hội đồng xét xử đã đối chiếu đúng như bản photo giao nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm (ông V không giao nộp bản gốc). Tuy nhiên, theo hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Phùng Tiến H (đã chết), bà Hà Thị N (vợ ông H) và hộ ông Nguyễn Huy V năm 2004 thì: Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên ngày 26/5/2004 ghi diện tích chuyển nhượng là 170,0m² thuộc thửa số 254-7 tờ bản đồ số 29, vị trí thửa đất giáp QL32A phố V thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (BL117) và tại Trích lục bản đồ kèm theo (BL116) cũng như biên bản kiểm tra hiện trạng (BL115) đều thể hiện diện tích đất là 170m² liền thửa, không có khu đất lẻ mà ông V cho rằng đã được nhận chuyển nhượng từ ông H; Tại Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 28/10/2004 (BL112), ông V tự kê khai để đóng lệ phí trước bạ đối với diện tích đất 170m²; Các biên lai thu thuế chuyển quyền sử dụng đất, biên lai thu lệ phí trước bạ, biên lai thu lệ phí đo đạc cũng đều thể hiện diện tích chịu thuế, lệ phí là 170,0m².

Theo báo cáo của UBND huyện T và UBND thị trấn T thì diện tích đất 23,8m² là đất chưa sử dụng do Nhà nước quản lý, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông V khai diện tích 23,8m² đất này đã được Nhà nước thu hồi trước khi ông H bán nhà đất cho ông. Tại thời điểm mua bán nhà đất vào ngày 07/01/1997 UBND thị trấn T đã mời các bên ra làm việc và ông H đã bớt cho ông 10 triệu đồng từ 160 triệu đồng xuống còn 150 triệu đồng. Khi ông mua nhà đất của ông H vẫn có một đường đi ra phần đất lẻ này. Trước đây ông Bào (đã bán đất cho bà L) còn đặt vấn đề trả ông tiền để lấy phần đất lẻ này nhưng ông không đồng ý. Lúc chuyển nhượng ông H có 207m², 170m² cộng với 23,8m² đất lẻ đúng bằng 207m² này.

Hiện nay tuy bà L đang sử dụng 23,8m² đất này nhưng cũng không trong diện tích 198,4m² của thửa số 254-8 tờ bản đồ số 29 mà bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Như vậy, có cơ sở xác định diện tích 23,8m² đất mà ông V kiện đòi (theo ông V là diện tích đất lẻ) là đất chưa sử dụng do UBND thị trấn T, huyện T quản lý. Tuy giấy chuyển nhượng nhà đất và hoa màu ngày 1/11/1996 có ghi diện tích chuyển nhượng là 207m² nhưng ngay tại thời điểm này UBND thị trấn T đã mời các bên đến UBND thị trấn để giải quyết và kết quả là ông H đã giảm bớt cho ông V số tiền mua bán chuyển nhượng đất từ 160 triệu còn 150 triệu đồng (ông V khai tại phiên tòa). Điều này cho thấy diện tích 207m² mà ông H chuyển nhượng cho ông V theo Giấy nhượng bán nhà đất và hoa màu ngày 01/11/1996 là không chính xác bởi trong đó có cả phần đất (theo ông V gọi là diện tích đất lẻ rộng 2m dài 10m) là đất đã được thu hồi thuộc quỹ đất chưa sử dụng do UBND thị trấn T, huyện T quản lý. Chính vì vậy nên đến thời điểm năm 2004 khi ông V và bà N (ông H đã chết) chính thức làm hợp đồng chuyển nhượng đất thì hợp đồng chỉ xác định diện tích chuyển nhượng là 170,0m², thửa đất số 254-7 tờ bản đồ số 29, vị trí giáp QL32A phố V thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 170m² đất này và không có ý kiến phản đối. Giấy nhượng nhà đất và hoa màu ngày 1/11/1996 không còn giá trị. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V buộc bà L phải trả cho ông 23,8m² đất là đúng. Cho nên, kháng cáo của ông V không được chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Huy V phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông V là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho ông V là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của BLTTDS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 BLTTDS; các Điều 164, 166 Bộ luật dân sự; các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Huy V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy V yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông V 23,8m² đất nằm phía sau đất bà L thuộc thửa đất 254-8 tờ bản đồ số 29 phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Huy V.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến